

恒元联合法律事务所 EVER ONE LAW FIRM



税务指南 AC-260701 Cẩm nang Thuế 2026-07-15

标题

Tiêu đề

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

编撰

Người soạn

经理 阮维成 会计师

Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành

涉及范围

Phạm vi

liên quan

个人所得税、家庭减除额、累进税率、免税优惠、加班免税、数字资产、电子商务、经营所得、投资金条、高科技人才、扣缴制度、年度结算

Thuế Thu Nhập Cá Nhân, Giảm Trừ Gia Cảnh, Biểu Thuế Lũy Tiến, Ưu Đãi Miễn Thuế, Miễn Thuế Làm Thêm Giờ, Tài Sản Số, Thương Mại Điện Tử, Thu Nhập Kinh Doanh, Vàng Miếng, Nhân Lực Công Nghệ Cao, Khấu Trừ Thuế, Quyết Toán Thuế

Think for you Do for you

为您思考 用心服务



个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

I. 家庭减除额 - GIẢM TRỪ GIA CẢNH

家庭减除额系指依规定自课税所得中扣除之金额，并于计算个人所得税前适用。家庭减除额提高时，应税所得额相对降低，纳税义务人之应纳税额亦随之减少。

Giảm trừ gia cảnh là khoản được trừ khỏi thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế. Mức giảm trừ càng cao, thu nhập tính thuế càng thấp, người lao động nộp thuế càng ít.

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
■ 本人家庭减除额 Giảm trừ bản thân	《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》第 12 条：每月 900 万越盾。 《第 954/2020 号决议》调高为每月 1,100 万越盾（每年 1.32 亿越盾）。 NĐ 65 Điều 12: 9 triệu đồng/tháng → NQ 954/2020 nâng lên: 11 triệu đồng/tháng (132 triệu/năm)	《第 109/2025/QH15 号法律》第 10 条及《第 110/2025 号决议》：每月 1,550 万越盾（每年 1.86 亿越盾）。 Luật 109 Điều 10 + NQ 110/2025: 15,5 triệu đồng/tháng (186 triệu đồng/năm)	每月家庭减除额增加 450 万越盾。月薪不超过 1,550 万越盾（未扣除社会保险及扶养亲属减除额前）者，原则上无须缴纳个人所得税。 Tăng thêm 4,5 triệu/tháng. Người có lương ≤15,5 triệu/tháng (chưa tính BHXH, phụ thuộc) sẽ KHÔNG phải nộp thuế TNCN.
■ 扶养亲属减除额 Giảm trừ người phụ thuộc	《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》第 12 条：每名扶养亲属每月 360 万越盾。 《第 954/2020 号决议》调高为 440 万越盾。 NĐ 65 Điều 12: 3,6 triệu/tháng/người → NQ 954/2020: 4,4 triệu/tháng/người	《第 109/2025/QH15 号法律》第 10 条及《第 110/2025 号决议》：每名扶养亲属每月 620 万越盾。 Luật 109 Điều 10 + NQ 110/2025: 6,2 triệu đồng/tháng/người	每名扶养亲属每月减除额增加 180 万越盾。例如扶养 2 名子女者，每月可减除 1,240 万越盾，高于旧制的 880 万越盾。 Tăng 1,8 triệu/tháng/người. Ví dụ nuôi 2 con: được trừ 12,4 tr/tháng thay vì 8,8 tr.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
医疗费 用减除额 Giảm trừ chi phí Y tế	无相关规定。重大疾病医疗补助虽可免纳税，但并非自所得中扣除之减除额。 Không có quy định. Chỉ có hỗ trợ khám bệnh hiểm nghèo (không tính vào thuế) nhưng không phải khoản giảm trừ từ thu nhập.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 11 条及《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 49 条：纳税人本人及扶养亲属之医疗费用，每年最高可减除 2,300 万越盾，并须检附合法凭证。 Luật 109 Điều 11 + NĐ 253 Điều 49: Được trừ chi phí y tế của bản thân và người phụ thuộc, tối đa 23 triệu đồng/năm. Phải có hóa đơn hợp lệ.	首次增订医疗费用减除额制度。对于有重大医疗、手术或住院治疗支出者，可有效降低应税所得额。 LẦN ĐẦU TIÊN có giảm trừ y tế. Người có chi phí khám chữa bệnh, phẫu thuật, điều trị lớn sẽ được giảm đáng kể thu nhập chịu thuế.
教育费 用减除额 Giảm trừ học phí / Giáo dục	无学费减除规定。(仅特定情形下，外籍劳工子女于越南就学之学费得免计入应税所得。) Không có quy định giảm trừ học phí. (Chỉ miễn cho con NLD nước ngoài học tại VN trong trường hợp cụ thể)	《第 109/2025/QH15 号法律》第 11 条及《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 49 条：本人及扶养亲属之学费，每年最高可减除 2,400 万越盾，并须检附合法凭证。 Luật 109 Điều 11 + NĐ 253 Điều 49: Được trừ học phí của bản thân và người phụ thuộc, tối đa 24 triệu đồng/năm. Phải có hóa đơn hợp lệ.	首次增订教育费用减除额。扶养就读大专院校子女，或本人进修、攻读第二学位者，可享有税负减免。 LẦN ĐẦU TIÊN có giảm trừ giáo dục. Gia đình có con học đại học hoặc bản thân học thêm nghề/bằng 2 sẽ tiết kiệm được thuế.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
自愿退休基金及人 寿保险保费 扣除额 Giảm trừ BH hưu trí tự nguyện & BH nhân thọ	《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》第 6 条：每月最高 100 万越盾（每年 1,200 万越盾）。 NĐ 65 Điều 6: Tối đa 1 triệu đồng/tháng (12 triệu đồng/năm)	《第 109/2025/QH15 号法律》第 8 条及《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 46 条：自愿退休基金及人寿保险保费合计，每月最高可扣除 300 万越盾（每年 3,600 万越盾）。 Luật 109 Điều 8 + NĐ 253 Điều 46: Tối đa 3 triệu đồng/tháng (36 triệu đồng/năm) gộp cả BH hưu trí và BH nhân thọ.	可扣除上限提高为原标准之三倍，鼓励纳税义务人参与补充退休保障及商业保险规划，同时降低个人所得税负。 Tăng 3 lần mức được trừ. Người tham gia quỹ hưu trí bổ sung hoặc mua BH nhân thọ tiết kiệm thêm thuế đáng kể.
餐费／ 午餐补助 (不计入应 税所得) Tiền ăn ca/ ăn trưa (khoản không tính vào thu nhập chịu thuế)	《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》第 2 条第 2 款第 d 目：每人每月 73 万越盾（依《第 26/2016/TT-BLĐTBXH 号通知》）。 TT 111 Điều 2 khoản 2đ: Mức không tính vào thu nhập chịu thuế: 730.000 đồng/người/tháng. (Theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH)	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 8 条第 g 款：提高至每人每月 120 万越盾；超过 120 万越盾部分始计入应税所得。 如由企业提供集体供餐（如员工餐厅、餐盒或餐券等），则全额免计入应税所得，且不受金额限制。 NĐ 253/2026 Điều 8 khoản g: Nâng mức lên 1.200.000 đồng/người/tháng. Phần vượt quá 1,2 triệu/tháng mới tính vào	免税标准较旧制提高约 64%（73 万→120 万越盾）。企业可提高餐费补助而不增加员工个人所得税负；采集体供餐方式者，则不受金额上限限制。 Tăng 64% so với mức cũ (730.000 → 1.200.000 đ). Doanh nghiệp có thể chi tiền ăn ca tối đa 1,2 triệu/tháng mà không bị tính vào lương chịu thuế của nhân viên. Nếu tổ chức bữa ăn tập thể thì không giới hạn.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
		thu nhập chịu thuế. Nếu tổ chức bữa ăn tập thể (nấu ăn, suất ăn, phiếu ăn): miễn hoàn toàn, không giới hạn mức.	

案例说明－家庭减除额调整之影响 Ví dụ minh họa – Tác động giảm trừ gia cảnh

纳税义务人：月薪 2,500 万越盾，扶养 2 名子女（扶养亲属），依法缴纳社会保险、健康保险及失业保险，合计 10.5%

Người lao động: lương 25 triệu/tháng, có 2 con (người phụ thuộc), BHXH/YT/TN 10,5%.

→ 应扣缴保险费：25,000,000 × 10.5% = 2,625,000 越盾 | 应税所得：25,000,000 – 2,625,000 = 22,375,000 越盾

→ BHXH khấu trừ: 25.000.000 × 10,5% = 2.625.000 đ | Thu nhập chịu thuế = 22.375.000 đ

旧制（第 954/2020/UBTVQH14 号决议）

家庭减除额：

11,000,000 + (2 × 4,400,000) = 19,800,000 越盾

→ 应税所得：22,375,000 – 19,800,000 = 2,575,000 越盾

→ 每月应纳个人所得税：约 128,750 越盾

CHẾ ĐỘ CŨ (NQ 954): Giảm trừ = 11.000.000 + 2×4.400.000 = 19.800.000 đ

→ Thu nhập tính thuế = 22.375.000 – 19.800.000 = 2.575.000 đ → Thuế ≈ 128.750 đ/tháng

新制（第 110/2025/UBTVQH15 号决议）

家庭减除额：15,500,000 + (2 × 6,200,000) = 27,900,000 越盾

→ 应税所得：22,375,000 – 27,900,000 = 负数

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

→ 无须缴纳个人所得税。

CHẾ ĐỘ MỚI (NQ 110): $\text{Giảm trừ} = 15.500.000 + 2 \times 6.200.000 = 27.900.000 \text{ đ}$

→ $\text{Thu nhập tính thuế} = 22.375.000 - 27.900.000 = \text{ÂM}$ → Không phải nộp thuế TNCN!

II. 超额累进税率表—重大修正 - BIỂU THUẾ LŨY TIẾN TỪ PHẦN – THAY ĐỔI QUAN TRỌNG

《第 109/2025/QH15 号法律》将个人所得税超额累进税率级距由原 7 级调整为 5 级，并大幅提高各级应税所得额门坎，同时取消 15% 及 25% 两个税率级距。本次修正属个人所得税制度之重大改革，不仅简化超额累进税率结构，亦有效减轻中等所得纳税义务人之租税负担。

Luật 109/2025 GIẢM từ 7 bậc xuống còn 5 bậc, đồng thời NÂNG MẠNH các ngưỡng thu nhập và BỎ các mức thuế suất 15% và 25%. Đây là thay đổi lớn giúp đơn giản hóa biểu thuế và giảm gánh nặng cho người có thu nhập trung bình.

2.1. 新制五级累进税率表（自 2026 年 1 月 1 日起施行）（依据《第 109/2025/QH15 号法律》第 9 条） - Biểu thuế MỚI 5 bậc áp dụng từ 01/01/2026 (Luật 109 Điều 9)

级距 Bậc	全年应税所得 (百万越盾) Thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	每月应税所得 (百万越盾) Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	税率 Thuế suất (%)	说明 Ghi chú
第 1 级 Bậc 1	120 以下 Đến 120	10 以下 Đến 10	5%	门坎由旧制每年 6,000 万越盾提高至 1.2 亿越盾（提高一倍） Ngưỡng tăng từ 60 tr → 120 tr/năm (×2)
第 2 级 Bậc 2	超过 120 至 360 Trên 120 – 360	超过 10 至 30 Trên 10 – 30	10%	门坎由旧制每年 6,000 万～1.2 亿越盾，扩大为 1.2 亿～3.6 亿越盾（扩大为三倍）。 Ngưỡng tăng từ 60–120 tr → 120–360 tr/năm (×3)
第 3 级 Bậc 3	超过 360 至 720 Trên 360 – 720	超过 30 至 60 Trên 30 – 60	20%	新增级距：原 15% 及 25% 两级合并为单一 20% 税率，简化税制。

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

级距 Bậc	全年应税所得 (百万越盾) Thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	每月应税所得 (百万越盾) Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	税率 Thuế suất (%)	说明 Ghi chú
				MỚI: bỏ 15% và 25%, gộp thành 20%
第 4 级 Bậc 4	超过 720 至 1,200 Trên 720 – 1.200	超过 60 至 100 Trên 60 – 100	30%	进入高税率级距之门坎显著提高。 Ngưỡng vào bậc cao hơn rõ rệt
第 5 级 Bậc 5	超过 1,200 Trên 1.200	超过 100 Trên 100	35%	仅当每月应税所得 超过 1 亿越盾 时，始适用最高税率。 Thu nhập >100 tr/tháng mới chịu thuế tối đa

重要备注

「应税所得」= 应税收入 – 强制性社会保险费 – 本人及扶养亲属基本减除额 – 其他法定减除项目。

配合前文所述基本减除额大幅提高（由每月 1,100 万越盾提高至 1,550 万越盾），加上本表第 1 级课税门坎倍增（由每月 500 万越盾提高至 1,000 万越盾），预期中产阶层纳税义务人之适用税率将明显下降，多数纳税义务人甚至无须缴纳个人所得税。

Lưu ý: "Thu nhập tính thuế" = Thu nhập chịu thuế trừ BHXH bắt buộc, giảm trừ gia cảnh và các khoản giảm trừ khác. Nhờ giảm trừ gia cảnh tăng (Mục I) + ngưỡng bậc 1 tăng gấp đôi (từ 5 tr lên 10 tr/tháng), người có thu nhập trung bình sẽ giảm bậc thuế đáng kể hoặc không còn phải nộp thuế.

III. 新增免征个人所得税项目 - CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN THUẾ MỚI HOÀN TOÀN

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
私人企业主及一人有限责任公司之公司所有人	无免税规定。私人企业主及一人有限责任公司所有人，就其经	《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 21 款 及 《第	避免同一所得重复课税（企业所得税及个人所得税），直接减

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
Chủ DNTN, chủ TNHH MTV	营所得仍须缴纳个人所得税，即使企业已缴纳企业所得税亦同。 Không có miễn. Chủ DNTN/TNHH MTV nộp thuế TNCN trên phần thu nhập kinh doanh dù DN đã nộp TNDN.	253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 39 条：全 额免征个人所得税。 Luật 109 Điều 4 khoản 21 + NĐ 253 Điều 39: MIỄN HOÀN TOÀN thuế TNCN cho chủ DNTN và chủ TNHH MTV.	轻逾 80 万家中小企业经营者之租税负担。 Tránh đánh thuế 2 lần. Trực tiếp giảm gánh nặng cho >800.000 doanh nghiệp nhỏ.
数字科技产业从业人员 Nhân lực công nghiệp công nghệ số	无专属免税规定，适用一般超额累进税率。 Không có miễn riêng. Áp dụng biểu thuế lũy tiến chung.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 41 条：符合资格之数字科技产业从业人员，自 2026 年至 2030 年间免征个人所得税五年。 NĐ 253 Điều 41: MIỄN thuế TNCN trong 5 năm (2026–2030) cho NLĐ làm trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được xác nhận.	吸引数字科技产业人才投入重点发展领域，五年内可享 100% 个人所得税免税优惠。 Thu hút nhân lực vào ngành CNTT số chiến lược. Tiết kiệm 100% thuế TNCN trong 5 năm.
高科技产业人才 Nhân lực công nghệ cao (CNC)	无专属免税规定。 Không có miễn riêng.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 42 条：高科技人才（如半导体、人工智能、生物科技等）于 2026	有助于留任高阶技术人才，提升越南高科技产业竞争力，尤其半导体及 AI 领域。 Hỗ trợ giữ chân chuyên gia giỏi tại Việt Nam,

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
		年至 2030 年间 免征个人所得税五年 。 NĐ 253 Điều 42: MIỄN thuế TNCN trong 5 năm (2026–2030) cho nhân lực CNC (bán dẫn, AI, công nghệ sinh học...).	đặc biệt ngành bán dẫn và AI.
科技研发及创新活动所得 Thu nhập từ KHCN & đổi mới sáng tạo	无免税规定。 Không có miễn.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 17、18 款：研究发展（R&D）及创新活动所得 免征个人所得税 。 Luật 109 Điều 4 khoản 17-18: MIỄN thuế đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.	鼓励科研人员、工程师投入技术研发及成果转化，降低创新成本。 Khuyến khích nhà khoa học, kỹ sư nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mà không lo thuế.
新创企业及创业投资基金 Startup & quỹ đầu tư mạo hiểm (VC)	无专属免税规定。 Không có miễn riêng.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 19 款：投资新创企业及创业投资基金之所得 免征个人所得税 。 Luật 109 Điều 4 khoản 19: MIỄN thuế thu nhập từ đầu tư vào startup và quỹ đầu tư mạo hiểm.	有助于完善新创生态系，鼓励天使投资人及创投基金投入创新产业。 Tạo điều kiện hệ sinh thái startup. Nhà đầu tư thiên thần không lo thuế khi thoái vốn thành công.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
■ 碳权及绿色债券所得 Tín chỉ carbon & trái phiếu xanh	无相关规定。 Không có quy định.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 16 款：首次发行碳权及绿色债券所得 免征个人所得税 。 Luật 109 Điều 4 khoản 16: MIỄN thuế đối với thu nhập từ tín chỉ carbon phát hành lần đầu và trái phiếu xanh.	支持碳市场发展，促进绿色金融及永续经济。 Hỗ trợ thị trường carbon mới hình thành và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh.
■ 持有开放式基金受益凭证连续二年以上 Chứng chỉ quỹ mở nắm giữ ≥2 năm	无免税规定。每次转让受益凭证均按成交价格扣缴 0.1% 个人所得税。 Không miễn. Mỗi lần bán chứng chỉ quỹ bị khấu trừ 0,1% giá bán.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 43 条：连续持有开放式基金受益凭证满二年以上者，其转让所得 免征个人所得税 。 NĐ 253 Điều 43: MIỄN thuế khi chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở nếu nắm giữ liên tục ≥2 năm.	鼓励长期投资基金市场，提高资本市场稳定性。 Khuyến khích đầu tư dài hạn vào quỹ mở. Nhà đầu tư kiên nhẫn hưởng lợi nhuận không bị đánh thuế.
■ 证券投资基金及不动产投资基金收益 (2026–2031 年) Giảm 50% thuế lợi tức quỹ CK/BDS (2026–2031)	无租税优惠。 Không có ưu đãi.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 44 条：2026 年 1 月 1 日至 2031 年 12 月 31 日期间，证券投资基金及不动产投资基金分配收益之个人所得税 减征 50% 。	属期限性租税优惠措施，促进资本市场发展。 Kích thích thị trường vốn giai đoạn đầu phát triển. Ưu đãi có thời hạn 5 năm.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/ND-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/ND-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + ND 253/2026/ND-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI ND 65/2013/ND-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (ND 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
		ND 253 Điều 44: GIẢM 50% thuế TNCN đối với lợi tức từ quỹ chứng khoán và quỹ BĐS giai đoạn 01/01/2026–31/12/2031.	
■ 加班费及夜班津贴 (《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 2 款) Thu nhập từ tăng ca / làm thêm giờ (Điều 4 khoản 2 Luật 109)	《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》第 2 条第 2 款第 b 目：仅加班工资高于正常工资之差额部分免税。例如正常时薪 5 万越盾、加班时薪 10 万越盾，仅 5 万越盾差额免税，其余 5 万越盾仍须课税。 TT 111/2013 Điều 2 khoản 2b: Chỉ MIỄN phần tiền lương CHÊNH LỆCH cao hơn so với giờ làm bình thường. → Ví dụ: lương giờ thường = 50.000đ, lương tăng ca = 100.000đ → chỉ 50.000đ chênh lệch được miễn; 50.000đ còn lại vẫn tính thuế TNCN.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 2 款：加班费及夜班津贴全额免征个人所得税。上述例中，加班所得 10 万越盾全数免税。 Luật 109/2025 Điều 4 khoản 2: MIỄN HOÀN TOÀN thu nhập từ làm thêm giờ, làm ca đêm. → Toàn bộ tiền lương tăng ca (100.000đ trong ví dụ) đều không chịu thuế TNCN. Cơ sở pháp lý: Luật 109 Điều 4 khoản 2 (khoản thu nhập được miễn thuế).	属重大修正。旧制仅免征差额部分；新制改为加班及夜班所得全额免税，对制造业、医疗、保全、运输等经常加班之劳工受益尤为显著。 Thay đổi CĂN BẢN: • Cũ: chỉ miễn PHẦN CHÊNH LỆCH vượt mức lương giờ bình thường. • Mới: miễn TOÀN BỘ thu nhập làm thêm giờ/ca đêm. → Lợi ích lớn nhất cho công nhân sản xuất, bảo vệ, y tế, vận tải... thường xuyên tăng ca, không lo bị tính thuế trên toàn bộ tiền tăng ca nữa.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
中奖、赠与、权利金、商业特许权及继承所得之免税门坎 Ngưỡng không chịu thuế đối với trúng thưởng, quà tặng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thừa kế, (Điều 4 Luật 109)	《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》第 15 条及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》第 15 条：每次取得所得 1,000 万越盾 以下免税；超过部分按 10%税率课征个人所得税。 NĐ 65/2013 Điều 15 + TT 111 Điều 15: Ngưỡng KHÔNG chịu thuế = 10 TRIỆU ĐỒNG/lần. → Phần vượt quá 10 triệu/lần mới chịu thuế TNCN với thuế suất 10%.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 4 条第 6、7 款：免税门坎提高至每次 2,000 万越盾；仅超过部分按 10%税率课征个人所得税。 Luật 109/2025 Điều 4 khoản 6, 7: Nâng ngưỡng không chịu thuế lên 20 TRIỆU ĐỒNG/lần. → Phần vượt quá 20 triệu/lần mới chịu thuế TNCN 10%.	免税门坎提高一倍（1,000 万→2,000 万越盾），更符合目前物价及所得水平，减轻纳税义务人负担。 Tăng gấp đôi ngưỡng miễn (10 → 20 triệu): → Ngưỡng mới phù hợp hơn với mức giá và thu nhập thực tế hiện nay.

IV. 经营所得课税制度之修正 - THUẾ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ KINH DOANH

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
免征个人所得税之营业收入门坎 Ngưỡng doanh thu không phải nộp thuế	无免税门坎。个人及家户经营者依税务机关核定之营业收入及各行业核定税率	《第 109/2025/QH15 号法律》第 7 条及《第 68/2026/NĐ-CP 号政府议定》、《第 141/2026/NĐ-CP 号政府议定》：全年营业	预计超过 90%的小型家户经营者（如餐饮、小商店、机车载客服务等）可享免税优惠。10 亿越盾年营

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
	(核定课税) 缴纳个人所得税。 Không có ngưỡng miễn. Hộ/cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán theo % DT từng ngành do cơ quan thuế ấn định.	收入不超过 10 亿越盾者，免征个人所得税。 Luật 109 Điều 7 + NĐ 68/2026 + NĐ 141/2026: DT năm ≤1 TỶ ĐỒNG → MIỄN HOÀN TOÀN thuế TNCN.	收约相当于每月 8,300 万越盾。 Hơn 90% hộ kinh doanh nhỏ (quán ăn, tạp hóa, xe ôm...) sẽ được miễn thuế. Ngưỡng 1 tỷ/năm = khoảng 83 triệu/tháng.
■ 年营业收入 10 亿至 30 亿越盾之课税方式 Thuế suất DT 1 tỷ – 3 tỷ/năm	《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》：依行业别按营业收入适用固定税率： • 商品买卖：0.5% • 制造／营建：1.5% • 服务业：2% 不得选择按实际所得课税。 TT 111: Tỷ lệ % DT theo ngành: - Hàng hóa: 0,5% Dịch vụ: 2% - SX/XD: 1,5% Không có tùy chọn tính theo TN thực.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 7 条及《第 68/2026/NĐ-CP 号政府议定》、《第 141/2026/NĐ-CP 号政府议定》：可选择以下方式之一： (1) 按实际所得（营业收入－可扣除成本费用）课征 15%； (2) 按行业别适用 0.5%、1%、1.5%、2%或 5%税率，就超过 10 亿越盾部分之营业收入计税。 Luật 109 Điều 7 + NĐ 68/2026 + NĐ 141/2026: Lựa chọn 1: 15% trên thu nhập thực (DT – chi phí) Lựa chọn 2: % DT theo ngành (0,5%/1%/1,5%/2%/5%) trên phần DT VƯỢT 1 tỷ đồng.	纳税义务人可自行选择较有利之课税方式。成本费用较高者，可选择按实际所得 15%课税，以降低税负。 Cá nhân kinh doanh ĐƯỢC CHỌN cách tính có lợi hơn. Nhiều chi phí → chọn 15% TN thực.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
■ 年营业收入 30 亿至 500 亿越盾之税率 Thuế suất DT 3 – 50 tỷ/năm	无个别规定，仍依各行业固定比例按营业收入课税。 Không có quy định riêng (dùng chung tỷ lệ % theo ngành).	《第 109/2025/QH15 号法律》第 7 条第 2 款第 c 目：按应税所得额 17% 课征个人所得税。 Luật 109 Điều 7 khoản 2c: 17% trên thu nhập tính thuế.	建立明确之所得课税制度，提高透明度，取代过往核定课税方式。 Rõ ràng, minh bạch hơn cách ấn định khoán cũ.
■ 年营业收入超过 500 亿越盾之税率 Thuế suất DT >50 tỷ/năm	无个别规定。 Không có quy định riêng.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 7 条第 2 款第 d 目：按应税所得额 20% 课征个人所得税。 Luật 109 Điều 7 khoản 2d: 20% trên thu nhập tính thuế.	税率与一般企业所得税税率一致，有助于提升个人经营者与企业间之租税公平。 Bằng mức thuế TNDN phổ thông → công bằng giữa cá nhân và doanh nghiệp.
■ 电子商务及数字平台经营所得 TMĐT & kinh doanh nền tảng số	无专门规定。网络销售与一般经营活动适用相同课税方式。 Không có quy định riêng. Bán hàng online áp dụng chung như kinh doanh thông thường.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 3 条第 1 款第 d 目：明确将电子商务及数字平台经营所得列为应税所得；电子商务平台依法负有代扣代缴税款义务。 Luật 109 Điều 3 khoản 1d: Quy định rõ TMĐT và nền tảng số là thu nhập chịu thuế riêng biệt. Sàn thương mại điện tử phải khấu trừ thuế thay.	Shopee、Lazada、TikTok Shop 等电子商务平台须依法代扣代缴个人所得税，有助于加强税务管理及提升纳税遵循。 TikTok Shop, Shopee, Lazada... phải thu hộ thuế cho nhà nước. Người bán online không thể lách thuế.
■ 不动产出租所得	《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》：自第一笔租	《第 109/2025/QH15 号法律》第 7 条第 4 款：维持 5% 税率，但新增免税门	大幅减轻小规模出租住宅、套房及店面之房东租税负担，更符

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
Cho thuê bất động sản	金收入起，即按营业收入 5%课征个人所得税，无免税门坎。 TT 111: 5% DT từ đồng đầu tiên, không có ngưỡng miễn.	坎：全年租赁收入不超过 10 亿越盾者免征个人所得税；仅就超过 10 亿越盾部分按 5%课税。 (《第 141/2026/NĐ-CP 号政府议定》已将免税门坎由 5 亿越盾提高至 10 亿越盾。) Luật 109 Điều 7 khoản 4: 5% nhưng ÁP DỤNG NGUỖNG MIỄN: DT ≤1 tỷ/năm không nộp thuế. Chỉ tính 5% phân vượt 1 tỷ đồng. (NĐ 141/2026 đã nâng từ 500tr đồng lên 1 tỷ)	合目前市场租金水平。 Giảm gánh nặng cho người cho thuê phòng trọ nhỏ.

V. 新增应税所得项目 - CÁC LOẠI THU NHẬP CHỊU THUẾ MỚI ĐƯỢC BỔ SUNG

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
■ 数位资产 (加密货币、NFT、数位代币等) Tài sản số (crypto, NFT, token kỹ thuật số)	无相关规定。加密货币及 NFT 等数字资产交易尚无个人所得税课税依据。 Không có quy định. Giao dịch crypto, NFT chưa có cơ sở pháp lý về nghĩa vụ thuế TNCN.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 3 条第 10 款第 d 目：数字资产转让所得（包括加密货币、数字资产等）正式列为个人所得税应税所得。 Luật 109 Điều 3 khoản 10d:	首次以法律明文规范数字资产交易之个人所得税义务。买卖 Bitcoin、Ethereum (ETH)、NFT 等数位资产获利者，应依法办理申报及纳税。至于适用税率及课税方

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
		Thu nhập từ chuyển nhượng TÀI SẢN SỐ (tiền mã hóa, tài sản kỹ thuật số...) là thu nhập chịu thuế TNCN.	式，仍须依后续施行细则或主管机关发布之指引办理。 Luật hóa nghĩa vụ thuế với giao dịch tiền số. Người mua bán Bitcoin, ETH, NFT... phải kê khai lợi nhuận. Cần theo dõi thông tư hướng dẫn thuế suất.
■ 金条（投资金条） Vàng miếng	无专门规定。金条买卖所得之个人所得税义务尚未明确。 Không có quy định riêng. Giao dịch vàng miếng không rõ về nghĩa vụ TNCN.	《第 109/2025/QH15 号法律》第 3 条第 10 款第 đ 目：金条转让所得列为独立之个人所得税应税所得项目。 Luật 109 Điều 3 khoản 10đ: Thu nhập từ chuyển nhượng VÀNG MIẾNG là thu nhập chịu thuế TNCN riêng biệt.	投资人买卖金条（如 SJC 金条或其他依法流通之投资金条）取得所得者，应依法申报及缴纳个人所得税，有助于提升黄金市场之透明度及税务管理。 Người mua bán vàng miếng SJC, NHNN... có lợi nhuận phải kê khai nộp thuế TNCN. Quản lý minh bạch thị trường vàng.
■ 非居住者个人之出资投资金转让 （第 111/2013 号通知第 20 条 → 第 109/2025	第 111/2013 号通知第 20 条 出资投资金转让及证券转让均按下列方式课征个人所得税：	第 109/2025 号法律第 23 条 新规定将转让交易区分为以下两类，并分别适用不同之计税方式：	出资投资金转让之根本性变更 • 旧规定：按转让总价之 0.1% 课税。此种计税方式未考虑取得成本及实际所得，因此

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
号法律第 23 条) Chuyển nhượng vốn góp của cá nhân KHÔNG CƯ TRÚ (TT 111 Điều 20 → Luật 109 Điều 23)	应纳税额 = 转让价格 × 0.1% 计算应纳税额时，不得扣除任何费用，包括原始投资成本或取得成本。 受让方有责任于向转让方支付转让款项前，按转让价格之 0.1% 代扣税款。 TT 111/2013 Điều 20: Cả chuyển nhượng phần vốn góp VÀ chứng khoán đều chịu thuế: 0,1% × GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG (không được trừ bất kỳ chi phí nào, kể cả giá vốn) → Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm khấu trừ 0,1% trước khi thanh toán.	① 出资投资金转让 - 如可确定取得价格及相关费用：$20\% \times (\text{转让价格} - \text{取得价格} - \text{合理费用})$ - 如无法确定取得价格及相关费用：$2\% \times \text{转让价格}$ ② 证券转让 $0.1\% \times \text{转让价格}$ (维持不变) Luật 109/2025 Điều 23: TÁCH BIỆT 2 loại: ① Chuyển nhượng PHẦN VỐN GÓP: - Nếu xác định được giá mua & chi phí: $20\% \times (\text{giá bán} - \text{giá mua} - \text{chi phí hợp lý})$ - Nếu KHÔNG xác định được giá mua & chi phí: $2\% \times \text{giá chuyển nhượng}$ ② Chuyển nhượng CHỨNG KHOÁN: $0,1\% \times \text{giá chuyển nhượng}$ (GIỮ NGUYÊN)	税负相对较低，对于因转让出资投资金而取得高额收益之外国投资者较为有利。 新规定：如可确定取得价格及合理费用，按实际转让所得之 20% 课税。因此，当转让价格远高于取得价格时，应纳税额将大幅增加。 例示：某非居住者外国投资者以 100 亿越南盾转让其出资投资金，原始投资成本为 10 亿越南盾： 旧规定：$100 \text{ 亿越南盾} \times 0.1\% = 1,000 \text{ 万越南盾}$ 新规定：$(100 \text{ 亿越南盾} - 10 \text{ 亿越南盾}) \times 20\% = 18 \text{ 亿越南盾}$ → 应纳税额增加 180 倍。此项变更将对外国直接投资 (FDI) 投资者转让其在越南之出资投资金，以及自

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
			越南撤回投资之交易产生重大影响。 THAY ĐỔI CĂN BẢN với chuyển nhượng vốn góp: • Cũ: 0,1% trên giá bán thô → thuế thấp, có lợi cho nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng vốn có lợi nhuận lớn. • Mới: 20% trên lợi nhuận thực → thuế cao hơn nhiều nếu giá bán >> giá mua. Ví dụ: Nhà đầu tư nước ngoài (không cư trú) bán phần vốn góp 10 tỷ đồng, giá vốn 1 tỷ đồng: Cũ: $10 \text{ tỷ} \times 0,1\% = 10 \text{ triệu đồng}$ Mới: $(10 \text{ tỷ} - 1 \text{ tỷ}) \times 20\% = 1,8 \text{ tỷ đồng}$ → Tăng 180 lần. Ảnh hưởng lớn đến nhà đầu tư FDI thoái vốn khỏi Việt Nam.

VI. 扣缴制度及个人所得税结算之修正 - KHẤU TRỪ THUẾ VÀ QUYẾT TOÁN THUẾ

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
■ 应办理扣缴税款之门坎 (无劳动契约之偶发性所得) Ngưỡng khấu trừ bắt buộc (thu nhập vắng lai, không có HĐLĐ)	《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》第 25 条：支付予未签订劳动契约之个人单次所得达 200 万越盾 以上者，扣缴义务人应依法按**10%**办理扣缴。 TT 111 Điều 25: Khấu trừ 10% bắt buộc khi trả $\geq 2.000.000$ đ/lần cho cá nhân không có HĐLĐ.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 50 条：扣缴门坎提高至 单次支付达 500 万越盾 以上始须按 10%扣缴；单次支付未满500 万越盾者，不再强制扣缴（得依规定选择办理）。 NĐ 253 Điều 50: Nâng lên $\geq 5.000.000$ đ/lần bắt buộc khấu trừ 10%. <5 triệu/lần: không bắt buộc (tùy chọn).	降低企业及个人之税务行政成本。兼职人员、自由工作者及临时合作人员取得较低金额报酬时，无须每次均办理扣缴程序。 Giảm gánh nặng thủ tục. Cộng tác viên, freelancer nhận thù lao nhỏ <5 triệu không cần xử lý thủ tục thuế mỗi lần.
■ 免办理年度结算之门坎 Ngưỡng không cần quyết toán thuế	《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》第 30 条第 5 款第 d 目：全年平均每月偶发性所得不超过 1,000 万越盾，且已按 10%扣缴者，可免办理年度个人所得税结算。 NĐ 65 Điều 30 khoản 5d: Thu nhập vắng lai BQ ≤ 10 tr/tháng trong năm (đã khấu trừ 10%) → không cần quyết toán.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 51 条：门坎提高为全年平均每月偶发性所得未满1,500 万越盾，且已按 10%扣缴者，可免办理年度结算。 NĐ 253 Điều 51: Nâng lên: thu nhập vắng lai BQ <15 tr/tháng trong năm (đã khấu trừ 10%) → không cần quyết toán.	扩大免办理年度结算之适用范围。兼任讲师、撰稿人、顾问等具有多重收入来源者，可减少税务申报负担。 Nhiều người có 2 nguồn thu được miễn thủ tục. Dạy học, viết báo, tư vấn... ≤ 15 tr/tháng không cần làm quyết toán.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
自愿采用在线方式办理年度结算 Quyết toán thuế online tự nguyện	无明确规定可自愿透过电子税务系统办理年度结算。 Không có quy định cụ thể về quyết toán online tự nguyện.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 51 条：纳税义务人得自愿透过电子税务系统办理个人所得税年度结算，以加速退税程序。 NĐ 253 Điều 51: Cá nhân CÓ THỂ TỰ NGUYỆN quyết toán thuế online qua hệ thống thuế điện tử để được hoàn thuế nhanh hơn.	鼓励纳税义务人主动利用电子税务系统完成年度结算，提升申报效率，并缩短溢缴税款退还时间。 Khuyến khích chủ động quyết toán để nhận lại thuế nộp thừa. Hệ thống thuế điện tử hỗ trợ hoàn thuế tự động.
员工认股权 (ESOP) ESOP – Quyền mua cổ phần	《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》未就 ESOP 订有专门规定，实务上依个案认定，课税时点及计算方式缺乏一致性。 TT 111: Không có điều khoản riêng về ESOP. Áp dụng theo từng trường hợp, gây tranh chấp thiếu nhất quán.	《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》第 50 条第 3 款第 a 目： • 课税时点：员工实际行使认股权时（非授予认股权时）。 • 应税所得 = (市价－认购价格) × 认购股数。 • 适用薪资所得超额累进税率课税。 NĐ 253 Điều 50 khoản 3a: • Thời điểm tính thuế: khi nhân viên THỰC HIỆN QUYỀN mua cổ phần (không phải khi được cấp quyền)	明确规范 ESOP 之课税时点及计算方式，降低实务争议，并为新创企业及科技公司之员工股权激励制度提供明确之税务依据。 Xóa tranh chấp về thời điểm và cách tính thuế ESOP. Startup, công ty công nghệ trao ESOP cho nhân viên giờ có khung pháp lý rõ ràng.

个人所得税政策修正重点 - 《第 109/2025/QH15 号法律》、《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》及《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》与《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》及《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》之比较

ĐIỂM MỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - LUẬT 109/2025/QH15 + NĐ 253/2026/NĐ-CP + NQ 110/2025/UBTVQH15 SO VỚI NĐ 65/2013/NĐ-CP + TT 111/2013/TT-BTC

项目 Nội dung	旧规定 Quy định CŨ (NĐ 65/2013 + NQ 954/2020)	新规定 Quy định MỚI (Luật 109/2025 + NQ 110/2025)	修正内容／政策影响 Diễn giải / Ý nghĩa
		- Thu nhập = (giá thị trường – giá thực hiện quyền) × số cổ phần - Áp biểu thuế lũy tiến như tiền lương	

VII. 法律依据 - CĂN CỨ PHÁP LÝ

新法规（自 2026 年 7 月 1 日起施行），其中，薪资及工资所得之相关规定自 2026 年 1 月 1 日起适用。
VĂN BẢN MỚI (áp dụng từ 01/07/2026), riêng thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng từ 01/01/2026.

- 《第 109/2025/QH15 号法律》— 个人所得税法
- Luật số 109/2025/QH15 – Luật Thuế thu nhập cá nhân
- 《第 253/2026/NĐ-CP 号政府议定》— 《第 109/2025/QH15 号法律》施行细则
- Nghị định số 253/2026/NĐ-CP – Quy định chi tiết thi hành Luật 109/2025
- 《第 110/2025/UBTVQH15 号国会常务委员会决议》— 自 2026 年 1 月 1 日起适用之家庭减除额标准
- Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 – Mức giảm trừ gia cảnh từ 01/01/2026

旧法规（自 2026 年 1 月 1 日起停止适用）

VĂN BẢN CŨ (hết hiệu lực từ 01/01/2026):

- 《第 65/2013/NĐ-CP 号政府议定》
- Nghị định số 65/2013/NĐ-CP
- 《第 111/2013/TT-BTC 号财政部通知》
- Thông tư số 111/2013/TT-BTC
- 《第 954/2020/UBTVQH14 号国会常务委员会决议》（已由新规定取代）
- Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 (đã được thay thế)



联络方式 / Liên lạc chúng tôi



No.190, Le Niem St., Phu Thanh Ward, HCMC, VN

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, HaNoi, VN

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



广州市天河区金穗路 8 号 - 星汇国际大厦 22 楼
F22 号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
为您思考 用心服务

